



LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng - Năm 2009

Đơn vị tính: đồng

	Mã số	30/09/2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	124.118.047.963	205.612.601.977
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	11.385.464.752	16.167.901.276
- Các khoản dự phòng	03	215.372.854.004	49.769.686.909
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(4.926.682.073)	(19.106.452.359)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(172.307.007.801)	(245.877.794.341)
- Chi phí lãi vay	06	801.422.222	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	174.444.099.067	6.565.943.462
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(325.032.447.712)	(109.160.314.455)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(980.488.394)	(464.613.033)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	350.408.554.104	173.150.217.889
- Tăng giảm Chi phí trả trước	12	(3.465.535.629)	(1.020.903.513)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(801.422.222)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.693.105.131)	(44.289.697.118)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	686.267.561.257	708.246.427.964
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(825.556.151.383)	(804.694.571.289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.591.063.957	(71.667.510.093)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(193.201.033.412)	(41.910.638.697)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	196.935.404	127.149.943
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.890.087.530.180)	(2.491.832.712.646)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.909.769.222.792	2.400.727.876.037
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(85.190.757.000)	(466.957.322.060)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	114.793.798.000	363.227.896.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	204.355.586.649	167.557.708.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	60.636.222.253	(69.060.042.492)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	161.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(61.000.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(90.635.000.000)	(52.850.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.365.000.000	(52.850.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	105.592.286.210	(193.577.552.585)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ (60)		229.860.955.063	404.332.055.289
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.926.682.073	19.106.452.359
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	340.379.923.346	229.860.955.063

Người lập biểu

Vũ Thị Dung

Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thủy



Tổng Giám đốc

TS. Trần Vĩnh Đức